



HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VÀ CÔNG CỤ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA

ĐẶNG VĂN BÀI* - NGUYỄN THỊ THU TRANG**

1. Mở rộng nhận thức về văn hóa và DSVH

Trong tiến trình phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, chúng ta cần có tầm nhìn lâu dài, tổng thể và toàn diện vấn đề bảo tồn và phát huy nguồn lực nội sinh/ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc/ tiếp biến những tinh hoa văn hóa nhân loại, cả trong quá khứ và hiện tại, đặc biệt là DSVH với tư cách là nguồn cội/ nền tảng tích hợp, chất lọc và lan tỏa các giá trị văn hóa tiêu biểu nhất.

Từ vị thế địa - chính trị và điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, vấn đề “độc lập dân tộc”, “chủ quyền quốc gia”, “toàn vẹn lãnh thổ”, “thống nhất đất nước” phải được coi là giá trị cốt lõi hàng đầu và cũng là phẩm giá của quốc gia dân tộc - cộng đồng 54 dân tộc anh

Mục tiêu chung trong Dự thảo Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được xác định là “Khơi dậy khát vọng cống hiến vì Tổ quốc, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa và con người Việt Nam, từng bước xây dựng văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và hội nhập quốc tế” (1). Câu hỏi đặt ra là: Di sản văn hóa (DSVH) cần được bảo tồn như thế nào để có thể góp phần thực hiện mục tiêu chung đó? Theo tôi, trước hết phải hiểu thấu đáo và nhận diện đầy đủ đối tượng cần được bảo tồn và phát huy, trong đó có nội hàm của khái niệm DSVH. Thứ nữa là cần liên tục bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý với tư cách là công cụ quan trọng để điều chỉnh hành vi, thái độ ứng xử của các tầng lớp cư dân trong xã hội đối với các đối tượng cần được bảo tồn. Và cuối cùng là xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, dự án có chất lượng làm cơ sở khoa học huy động các nguồn lực xã hội cho các hoạt động bảo tồn DSVH.

em cùng cộng sinh hàng ngàn đời nay trên dải đất hình chữ S, từ địa đầu Móng Cái đến mũi Cà Mau.

Trong văn hóa, con người được coi là một thực thể văn hóa với tư cách là sản phẩm văn hóa, đồng thời cũng là chủ thể sáng tạo văn hóa. Trong tổng thể văn hóa, con người là thành tố vi mô nhất cấu thành văn hóa. Và do đó, con người cần được giáo dục và rèn luyện để biết và dám hy sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của cả cộng đồng dân tộc, biết hướng mọi hoạt động cá nhân phục vụ cho mục tiêu chung về phát triển văn hóa.

Các nhà nghiên cứu đưa ra hai mô hình tổng quát để đánh giá sức mạnh của một quốc gia và giá trị năng lực của từng cá nhân: sự ổn định xã hội trên nền tảng đạo đức xã hội - trí tuệ

*PGS, TS, Phó Chủ tịch Hội Di sản văn hóa Việt Nam

** TS, Cục Di sản văn hóa, Bộ VH-TT-DL

của một dân tộc - bản lĩnh, khả năng thích ứng linh hoạt và khát vọng vươn lên đạt được đỉnh cao về các thành tựu văn hóa; đạo đức, phẩm giá - trí tuệ - nghị lực vượt qua mọi thử thách và khả năng cống hiến cho lợi ích quốc gia dân tộc. Các thành tố cấu trúc của hai mô hình tổng quát nói trên đều đã được “vật chất hóa”, hàm chứa, tích hợp và lan tỏa qua DSVH.

Năm 1983, Hội nghị toàn quốc của nước Anh bàn về DSVH đã định nghĩa di sản: “Đó là những gì thuộc về thế hệ trước giữ gìn và chuyển giao cho thế hệ hôm nay và những gì mà một nhóm người quan trọng trong xã hội hiện nay mong muốn chuyển giao cho thế hệ tương lai” (2).

Điều 1 Luật Di sản văn hóa 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đã xác định rõ: “DSVH là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (3). Định nghĩa của Luật cho thấy chỉ các sản phẩm văn hóa có giá trị, được lưu truyền qua nhiều thế hệ ở Việt Nam mới được thừa nhận là DSVH. Tuy vậy, từ trước đến nay, chúng ta chỉ nhận thức DSVH ở tầm vi mô, khuôn DSVH ở các di tích, các DSVH phi vật thể đơn chiếc/ đơn vị độc lập là: di tích khảo cổ, di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích lưu niệm danh nhân. Dù có mở rộng nội hàm khái niệm di sản chúng ta vẫn chỉ hạn hẹp trong khuôn khổ một quần thể di tích hoặc một khu phố cổ, một làng cổ... nên chưa bao hàm hết nội hàm của khái niệm DSVH.

Từ định nghĩa trên, chúng ta cần mở rộng nội hàm khái niệm DSVH từ vi mô đến vĩ mô theo nhiều tầng nấc kế tiếp nhau trong một hệ thống liên hoàn sau đây:

Lãnh thổ quốc gia (đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo) từ địa đầu Móng Cái đến mũi Cà Mau là không gian sinh tồn được cha ông ta sáng tạo từ hàng ngàn đời nay, hàm chứa tất cả các loại hình di sản còn lại (bao chứa trong lòng nó). Phải coi đây là loại tài sản văn hóa có giá trị quý giá nhất cả về tinh thần, vật chất và kinh tế. Và sự tiếp nối, đồng thời là gạch nối các khu vực lãnh thổ khác nhau là các vùng miền văn hóa hoặc “xứ văn hóa” với các đặc trưng địa - văn hóa riêng biệt. Đây là loại tài sản/ gia sản của quốc gia ở tầng vĩ mô, quý giá nhất mà nhiều thế hệ

người Việt Nam đã đổ mồ hôi, nước mắt thậm chí cả xương máu xây dựng nên và bảo vệ một cách toàn vẹn hàng ngàn năm trước âm mưu xâm lược của nhiều đế quốc trên thế giới.

Thành phố di sản/ đô thị di sản bao gồm: môi trường cảnh quan sinh thái - quỹ kiến trúc đô thị - các công trình di tích cụ thể, các khối phố và không gian kiến trúc - ý tưởng quy hoạch ban đầu xác định hướng phát triển đô thị qua các giai đoạn cụ thể - lối sống, nếp sống, văn minh đô thị hay DSVH phi vật thể.

Làng văn hóa/ DSVH làng là kết tinh thành tựu văn hóa/ DSVH của nhiều dòng họ, các cá nhân xuất chúng và cả cộng đồng trong một khu vực cư trú cụ thể lâu dài.

DSVH gia đình và dòng họ gồm truyền thống tốt đẹp của cộng đồng được gắn kết bởi huyết thống và gen văn hóa, đặc biệt là các dòng họ/ gia đình danh gia vọng tộc hoặc dòng họ khoa bảng.

Di tích lịch sử văn hóa phân bố trên mọi vùng miền đất nước.

Di tích động sản các hiện vật gốc và bộ sưu tập hiện vật đang được bảo quản và trưng bày tại các bảo tàng công lập và ngoài công lập.

Di sản số là những tư liệu tri thức hiểu biết bài học lịch sử hàm chứa trong DSVH vật thể và phi vật thể đã được số hóa và lưu trữ trong ngân hàng dữ liệu.

Trong Dự thảo *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*, chúng ta cũng xác định rõ việc bảo tồn DSVH là một trong những nhiệm vụ then chốt. Có thể tạm phác họa một số nét cơ bản sau: nhận diện giá trị DSVH, tính hữu ích của nó trong xã hội để có các giải pháp khoa học kéo dài tuổi thọ của di sản và chuyển giao cho thế hệ tương lai dưới dạng nguyên gốc ban đầu; huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho hoạt động bảo tồn DSVH, trong đó phải nỗ lực tối đa để phát huy nguồn lực từ phát triển du lịch bền vững; DSVH được bảo tồn không chỉ với tư cách là biểu hiện bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của Việt Nam mà phải được nhìn nhận như là loại tài nguyên du lịch - sản phẩm văn hóa đặc thù có khả năng thúc đẩy phát triển ngành “công nghiệp không khói”, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế trong cộng đồng cư dân địa phương nơi có DSVH.

2. Hoàn thiện thể chế và công cụ quản lý DSVH

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ thứ tư nói rõ: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị DSVH, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế, có chính sách cụ thể phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện tốt chính sách xã hội, đảm bảo an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”.

Trong chiến lược đó, con người Việt Nam được xác định là trung tâm của các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cũng như phát triển văn hóa. Từ đó suy ra, chiến lược bảo tồn DSVH phải góp phần thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045 là: “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Do đó, các mục tiêu chiến lược bảo tồn di sản đều hướng tới cộng đồng cư dân trong xã hội vì sự phát triển đất nước. DSVH phải được bảo tồn trong cộng đồng, dựa vào cộng đồng và vì lợi ích của cộng đồng.

Để phục vụ được các mục tiêu chiến lược mang tầm vĩ mô nói trên rất cần có bộ công cụ quản lý nhà nước về DSVH ngày càng hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra

Luật Di sản văn hóa điều chỉnh lần 1 vào năm 2009 và sau hơn 10 năm được cọ sát trong hoạt động thực tiễn đã bộc lộ những mặt hạn chế cần kịp thời điều chỉnh, bổ sung hướng tới mục tiêu lớn là: Bảo tồn DSVH phải phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển đất nước và con người Việt Nam theo hướng biến DSVH trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có phát triển ngành kinh tế mũi nhọn là du lịch văn hóa - du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng.

Thứ nhất, thiết lập mối quan hệ hài hòa, cân đối

giữa phát triển và bảo tồn DSVH. Ưu tiên phát triển bền vững để tạo tiền đề vật chất/ nguồn lực hỗ trợ ngược lại cho các hoạt động bảo tồn DSVH. Bảo tồn DSVH góp phần bảo vệ tài nguyên du lịch làm cơ sở vững chắc để sáng tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng trí tuệ cao. Vì vậy, đầu tư cho các dự án bảo tồn DSVH cần được hiểu là đầu tư cho mục tiêu “duy trì và gia tăng nguồn thu” của du lịch, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế cũng như tăng nguồn thu của ngân sách quốc gia.

Thứ hai, Luật Di sản văn hóa phải hướng tới đối tượng chịu sự chi phối của quy định pháp luật là công chúng rộng lớn trong toàn xã hội mà chủ yếu là các cộng đồng chủ thể văn hóa ở cơ sở. Vậy, hành lang pháp luật cần cởi mở, minh bạch, dễ hiểu, dễ tiếp cận và có sự đồng thuận của cộng đồng, có khả năng thu hút sự tham gia của các nguồn lực xã hội mà không chỉ nhằm mục tiêu xử phạt và xử lý vi phạm. Luật Di sản văn hóa phải tạo điều kiện rộng mở, thuận lợi nhất để người dân thực sự được hưởng và thực thi “quyền văn hóa” trong lĩnh vực DSVH.

Thứ ba, các điều khoản luật không chỉ có mục tiêu bảo tồn DSVH, di tích lịch sử - văn hóa, DSVH phi vật thể mà cần quan tâm đầy đủ tới việc bảo vệ, phục hồi môi trường sinh thái xung quanh di sản cũng như môi trường xã hội truyền thống nơi DSVH đang hiện hữu.

Thứ tư, điều khoản mới của Luật Di sản văn hóa phải tạo ra những điều kiện cần và đủ cho việc thực hiện mô hình hợp tác công - tư trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị DSVH và coi đó như là một trong những phương thức cơ bản để bảo tồn DSVH kết hợp với phát triển cộng đồng thiết thực nhất.

Xây dựng quy hoạch bảo tồn DSVH gắn với phát triển bền vững và các dự án tu bổ, tôn tạo di tích làm cơ sở huy động tối đa các nguồn lực xã hội

Chúng ta đã xây dựng được các quy hoạch và kế hoạch quản lý các Khu di sản thế giới ở Việt Nam cũng như các dự án bảo tồn theo các chương trình hành động đã báo cáo UNESCO. Tuy nhiên, qua từng giai đoạn thực hiện, các quy hoạch và dự án cũng cần được xem xét lại tính hiệu quả để có thể điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế ở các địa phương.

Theo quy định của Luật Di sản văn hóa, các di tích quốc gia đặc biệt phải được quy hoạch và xác định rõ các đề án cần triển khai để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Song, đến nay rất ít di tích quốc gia đặc biệt được xây dựng quy hoạch bảo tồn gắn với phát triển bền vững, hoặc các địa phương đang xúc tiến quy hoạch bảo tồn di tích thì tiến độ rất chậm do nhiều nguyên nhân khác nhau. Vậy, thời gian tới rất cần đẩy nhanh quá trình này một cách hài hòa, bài bản, chuyên nghiệp và kèm theo đó là các dự án tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị DSVH hướng tới các mục tiêu cụ thể. Quy hoạch và dự án có chất lượng là cơ sở để huy động các nguồn lực xã hội cho hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích quốc gia đặc biệt.

Cũng theo quy định của Luật Di sản văn hóa, các DSVH phi vật thể đã được đưa vào Danh mục DSVH phi vật thể quốc gia, đặc biệt là các DSVH phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO ghi danh rất cần được xây dựng các đề án bảo tồn và phát huy nhằm tạo điều kiện kinh tế - xã hội cho cộng đồng chủ thể, các nghệ nhân trực tiếp thực hành và truyền dạy di sản cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Tiếp theo cần ưu tiên cho hoạt động tư liệu hóa/số hóa các DSVH phi vật thể.

Các quy hoạch và dự án bảo tồn DSVH đều phải phục vụ cho nhu cầu phát triển bền vững của quốc gia theo hướng tiếp cận tổng thể và liên ngành ngay trong chiến lược bảo tồn DSVH. Mục tiêu lớn đặt ra trong chiến lược bảo tồn DSVH là phải tạo lập sự hài hòa/ “cân bằng động” giữa bảo tồn và phát triển: bảo tồn DSVH trong phát triển đô thị; bảo tồn DSVH trong xây dựng nông thôn mới (nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch); bảo tồn DSVH gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm; bảo tồn DSVH trong chiến lược bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo tồn DSVH phục vụ mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trong đó có ưu tiên cho việc thực hiện quyền văn hóa trong các dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa.

Bộ công cụ quản lý DSVH bằng công nghệ số mà Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao cho Hội đồng DSVH quốc gia phải xây dựng trong thời gian sớm nhất có thể cũng là một biện pháp cần triển khai ngay để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về DSVH.

Điều chỉnh và bổ sung quy hoạch hệ thống bảo tàng Việt Nam trong giai đoạn mới

Ngày 23-6-2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm

2020. Quy hoạch đã xác định một số mục tiêu cụ thể, trong đó quan trọng nhất là mục tiêu: “Đổi mới nội dung và hình thức hoạt động bảo tàng, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ trong khâu công tác bảo tàng, xây dựng bảo tàng thành trung tâm thông tin về khoa học, lịch sử, văn hóa thu hút đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước”.

Ngày 20-4-2006, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg phê duyệt *Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng thiên nhiên ở Việt Nam đến năm 2020* với mục tiêu tổng quát: “Xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống bảo tàng thiên nhiên hoàn chỉnh về cơ cấu, hiện đại về khoa học - kỹ thuật, hiệu quả và phong phú về nội dung hoạt động, phục vụ tốt nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, tham quan, học tập, phổ biến kiến thức về quá trình phát triển lịch sử tự nhiên ở Việt Nam”.

Phải thừa nhận rằng, trong lĩnh vực thống nhất quản lý về hoạt động của hệ thống các bảo tàng ở Việt Nam vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế:

Vai trò quản lý nhà nước cần được tăng cường trong hoạt động của các bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng tỉnh/ thành phố cũng như bảo tàng thiên nhiên.

Do không kiểm soát chặt chẽ nội dung khoa học phần trưng bày của bảo tàng nên nhiều nơi chỉ chú trọng đầu tư phần vỏ của ngôi nhà bảo tàng khiến nội dung hoạt động bảo tàng thiếu sự hấp dẫn với đông đảo công chúng trong toàn xã hội, cá biệt có bảo tàng rất vắng khách tham quan.

Các phương tiện kỹ thuật trưng bày và bảo quản hiện vật còn quá nghèo nàn, không đáp ứng yêu cầu của bảo tàng học hiện đại.

Thực tế cho thấy, ngoài yêu cầu điều chỉnh, bổ sung một số điều khoản mới trong Luật Di sản văn hóa liên quan tới các loại hình di sản từ vĩ mô đến vi mô, còn phải chú ý tăng cường sự giám sát, kiểm soát từ phía Cục DSVH đối với các hoạt động bảo tàng trong cả nước. Đặc biệt, ở đây cần nhấn mạnh vai trò tư vấn và hỗ trợ của Hội đồng DSVH quốc gia cho hoạt động này.

3. Hoàn thiện thể chế và khung pháp lý trong lĩnh vực bảo tồn DSVH cần đi đôi với việc tăng cường và nâng cao chức năng thanh tra và giám sát xử lý vi phạm từ phía các cơ quan quản lý nhà nước

Khi thực hiện rộng rãi việc phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý cho các cơ quan quản lý từ

trung ương tới địa phương, nên có cơ chế giám sát, kiểm soát, thanh tra thường xuyên và cũng như chế độ báo cáo thường kỳ. UNESCO đã đặt ra cơ chế báo cáo thường xuyên và định kỳ, cũng như xây dựng bộ tiêu chí giám sát các hoạt động liên quan tới các di sản thế giới ở các quốc gia thành viên. Cơ chế đó đang chứng minh rõ hiệu quả quản lý trong đời sống thực tiễn. Đây là kinh nghiệm thực sự có ích mà chúng ta cần áp dụng ở Việt Nam.

Trong thực tế, có 3 mô hình quản lý khá phổ biến: Nhà nước quản lý, cộng đồng hỗ trợ; Cộng đồng tự quản, nhà nước hướng dẫn, kiểm tra; Mô hình hỗn hợp giữa nhà nước và cộng đồng cùng tham gia quản lý.

Để ba mô hình nói trên hoạt động có hiệu quả, cùng một lúc cần có sự đầu tư về nguồn lực (tài chính, chính sách...). Thông qua chương trình, đề án hỗ trợ bảo tồn DSVH của Nhà nước đồng thời có cơ chế chính sách rộng mở đặc biệt là mô hình hợp tác công - tư để huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động bảo tồn bảo tàng ở trung ương và địa phương. Cuối cùng, Hội đồng DSVH quốc gia với tư cách là tổ chức tư vấn của Thủ tướng Chính phủ cần có kế hoạch phối hợp với Cục DSVH thực hiện việc kiểm tra các vấn đề có liên quan tới DSVH để chủ động đề xuất cho Chính phủ không chỉ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ mà còn chủ động nghiên cứu, đề xuất những vấn đề cấp thiết với tư cách tư vấn độc lập.

4. Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực DSVH phù hợp và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số về DSVH

Nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn DSVH bao gồm: nguồn lực quản lý, nguồn lực thực hành, nguồn lực của các cơ sở đào tạo chuyên ngành.

Đào tạo nguồn lực trong lĩnh vực DSVH nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu xã hội đặt ra: nguồn nhân lực cho phát triển bền vững, nguồn nhân lực phù hợp với xu thế bảo tàng học hiện đại, nguồn nhân lực có kỹ năng làm việc với cộng đồng và đáp ứng nhu cầu của công chúng, nguồn nhân lực có khả năng đổi mới trong giáo dục DSVH hướng tới cộng đồng, nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng thành tựu công nghệ số và chuyển đổi số trong lĩnh vực DSVH.

Đào tạo nguồn nhân lực trong quá trình chuyển đổi số không nhằm đào tạo ra những người thành thạo công nghệ số mà phải hướng tới nguồn nhân lực hiểu được công nghệ số, có khả năng tận dụng các thành tựu kỹ thuật số vào các hoạt động bảo tồn DSVH. Đặc biệt nhất là nguồn nhân lực có khả năng đặt ra mục tiêu và nhiệm vụ để các nhà khoa học công nghệ đáp ứng được yêu cầu của mình. Quan trọng hơn nữa, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực DSVH phải tạo ra “dữ liệu đầu vào” cho việc chuyển đổi số. Làm được điều đó cũng đồng nghĩa với việc từng bước tạo ra một loại hình di sản mới mang tên “di sản số”.

Lời kết

Thực hiện những nội dung phân tích ở trên là hướng tới việc “xây dựng giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với phát huy ý chí, khát vọng phát triển và sức mạnh con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân với gia đình, cộng đồng và xã hội. Ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái đạo đức xã hội” theo đúng tinh thần của Dự thảo *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030* đã đặt ra.

Tóm lại, cần coi sự nghiệp bảo tồn DSVH và phát triển bền vững về văn hóa cùng với sự phát triển bền vững về kinh tế - chính trị - xã hội và môi trường là 4 trụ cột quan trọng không thể thiếu để phát triển bền vững đất nước với mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh” ■

Đ.V.B - N.T.T.T

1. Dự thảo Quyết định về việc phê duyệt *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030* theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ VHTTDL.

2. Bùi Hoài Sơn, *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ từ 1945 đến nay*. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.20.

3. Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nxb *Chính trị quốc gia Sự thật*, Hà Nội, 2009, tr.32.